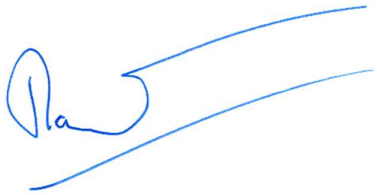
TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN NƯỚC QUỐC GIA
TRUNG TÂM CẢNH BÁO VÀ DỰ BÁO TÀI NGUYÊN NƯỚC

BẢN TIN CẢNH BÁO, DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC DƯỚI ĐẤT
THÁNG 10 NĂM 2026
PHẠM VI: LƯU VỰC SÔNG GIANH

TRUNG TÂM CẢNH BÁO VÀ DỰ BÁO
TÀI NGUYÊN NƯỚC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Đặng Trần Trung

NĂM 2026

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG.....3
1.1. Tên, địa điểm thực hiện cảnh báo, dự báo.....3
1.2. Hiện trạng nguồn nước khu vực cảnh báo, dự báo.....3
1.2.1. Đặc điểm nguồn nước dưới đất.....3
1.2.2. Mực nước dưới đất.....3
1.2.3. Chất lượng nước dưới đất.....12
II. CẢNH BÁO VÀ DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC.....12
2.1. Dự báo nguồn nước dưới đất.....12
2.1.1. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh).....12
2.1.2. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp).....13
2.1.3. Tầng chứa nước khe nứt - lỗ hổng trong đá trầm tích lục nguyên Neogen (n).....14
2.1.4. Tầng chứa nước khe nứt trong đá trầm tích lục nguyên Devon dưới (d_1).....14
2.2. Nhận định xu thế diễn biến nguồn nước dưới đất.....15
2.3. Cảnh báo nguồn nước dưới đất.....15
III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ.....15

I. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên, địa điểm thực hiện cảnh báo, dự báo

Bản tin cảnh báo, dự báo nguồn nước dưới đất tháng trên lưu vực sông Gianh được biên soạn hàng tháng để cung cấp các thông tin về mực nước, chất lượng nước dưới đất nhằm phục vụ các mục đích quản lý, khai thác sử dụng tài nguyên nước và các mục đích khác theo quy định của pháp luật.

Lưu vực sông Gianh là một trong những lưu vực sông ở Việt Nam với diện tích lưu vực là 4.680 km^2. Mùa khô trên lưu vực diễn ra từ tháng 1 đến tháng 8, mùa mưa từ tháng 9 đến tháng 12. Nội dung chính của bản tin tháng bao gồm: Thông báo mực nước dưới đất trung bình tháng 9 và chất lượng nước mùa khô năm 2026; dự báo mực nước dưới đất trung bình tháng 10 tại 4 tầng chứa nước cho toàn lưu vực sông, đưa ra những cảnh báo mực nước trung bình tháng, chất lượng nước trong phạm vi 25 công trình quan trắc tài nguyên nước dưới đất do Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia quản lý và vận hành.

1.2. Hiện trạng nguồn nước khu vực cảnh báo, dự báo

1.2.1. Đặc điểm nguồn nước dưới đất

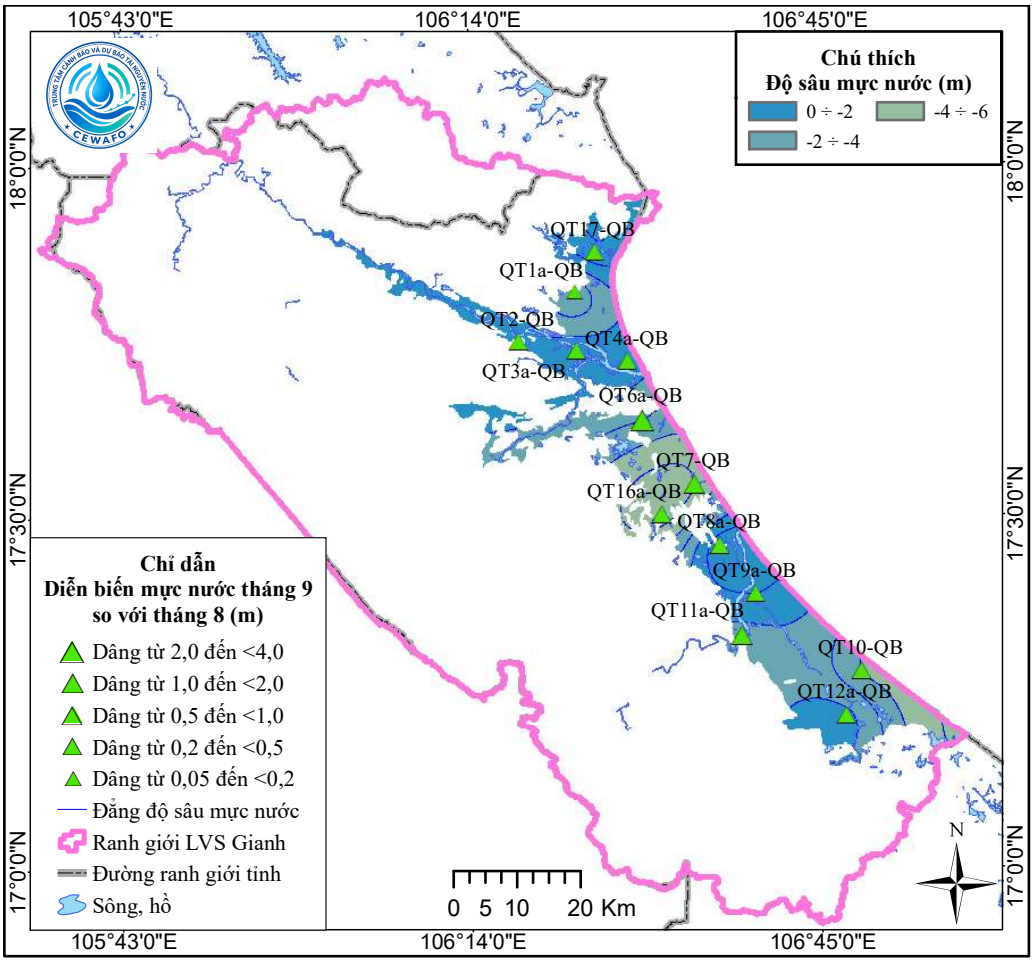
Nguồn nước dưới đất lưu vực sông Gianh phân bố chủ yếu trong các tầng chứa nước gồm: tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh), tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp) và tầng chứa nước khe nứt trong đá trầm tích lục nguyên Devon dưới (d_1). Tổng tài nguyên nước dự báo cho các tầng chứa nước qh là 643.460 m^3/ngày, tầng chứa nước qp là 220.470 m^3/ngày, tầng chứa nước n là 227,1m^3/ngày và tầng chứa nước d_1 là 42.764,3 m^3/ngày.

1.2.2. Mực nước dưới đất

1.2.2.1. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh)

Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 9 so với tháng 8 có xu thế dâng, có 13/13 công trình mực nước dâng. Giá trị dâng cao nhất là 3,28m tại xã Đông Trạch (QT6a-QB).

Trong tháng 9: Mực nước trung bình tháng nông nhất là -0,29m tại xã Hoà Trạch (QT17-QB) và sâu nhất là -5,3m tại xã Nam Trạch (QT16a-QB).



Hình 1. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 9 tầng qh

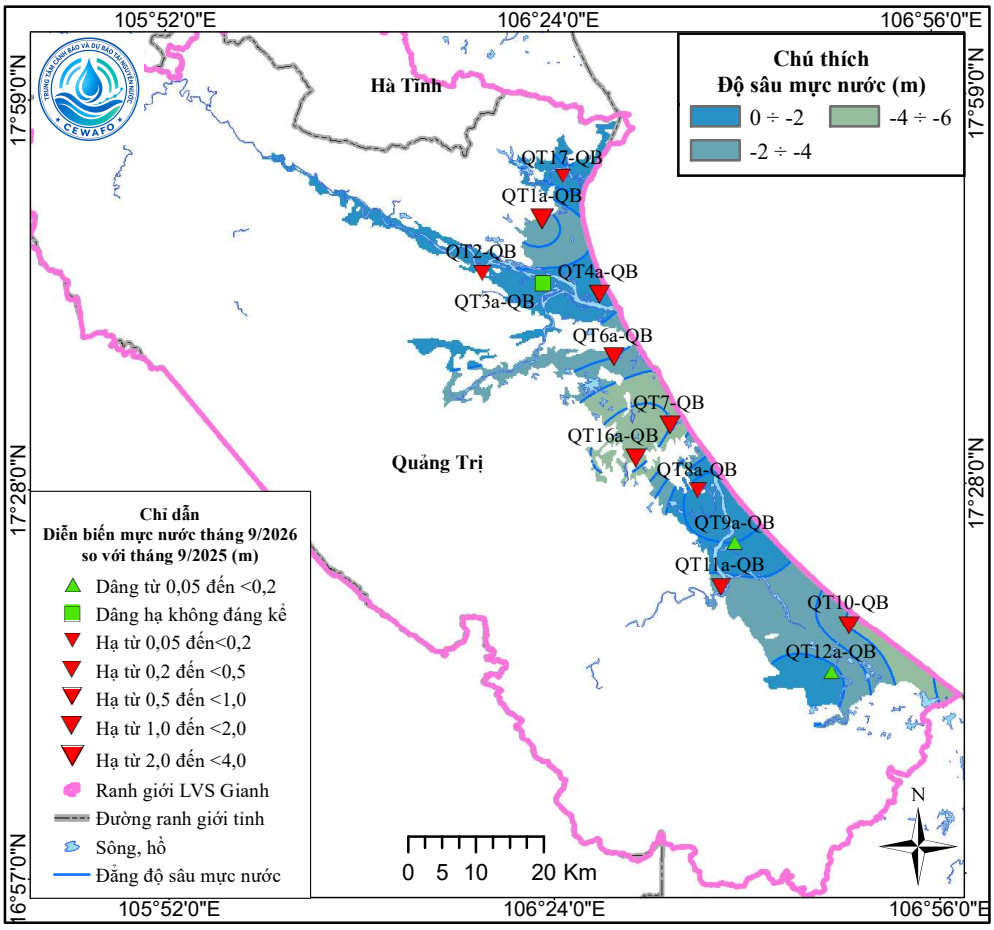
Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 9 so với cùng thời điểm 1 năm và 5 năm trước cho thấy mực nước hạ thấp nhất lần lượt là 2,74m và 2,93m tại xã Trung Thuần và xã Nam Trạch. Chi tiết được thể hiện trong các bảng và hình sau:

Bảng 1. Mực nước TB tháng cực trị qua các thời kỳ

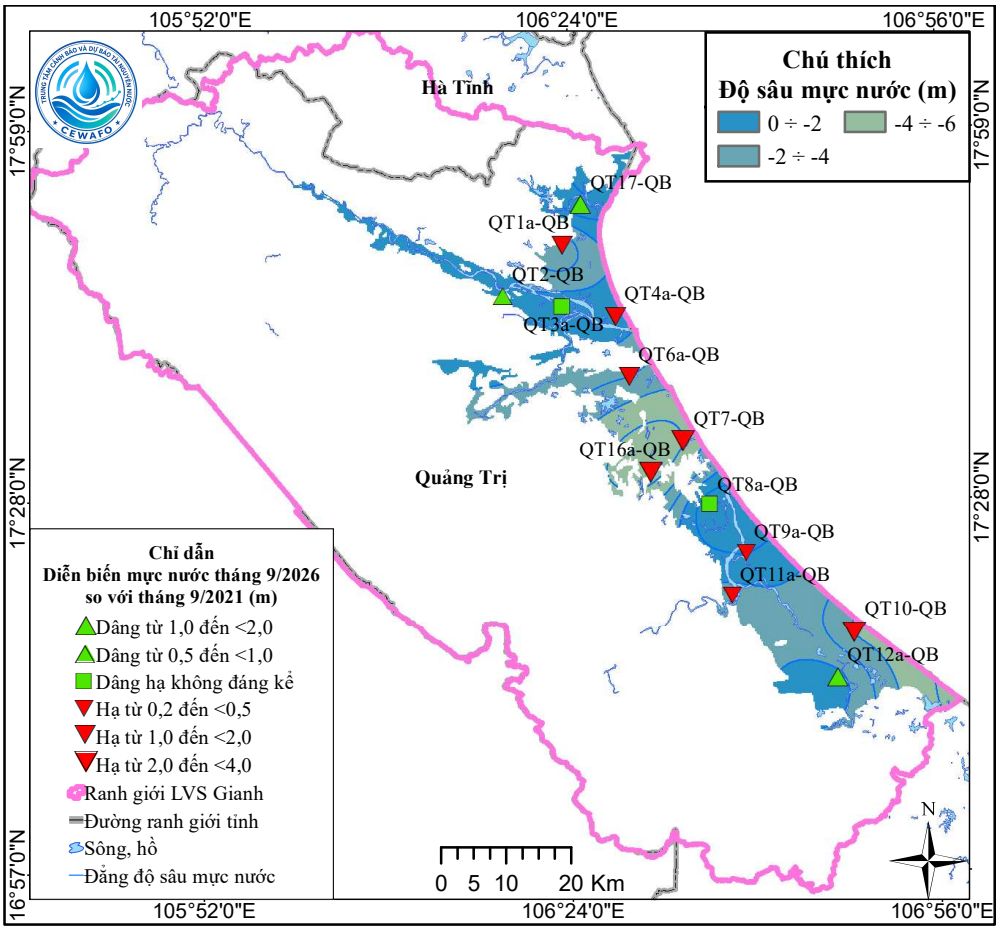
Thời gian	Mực nước TB tháng sâu nhất		Mực nước TB tháng nông nhất	
	Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
Tháng 9	-5,3	xã Nam Trạch (QT16a-QB)	-0,29	xã Hoà Trạch (QT17-QB)
1 năm trước (2025)	-4,05	xã Nam Trạch (QT16a-QB)	-0,15	xã Hoà Trạch (QT17-QB)
5 năm trước (2021)	-2,82	xã Lệ Thuỷ (QT12a-QB)	-0,47	phường Đồng Hới (QT8a-QB)

Bảng 2. Giá trị dâng, hạ mực nước cực trị qua các thời kỳ

Thời gian	Xu thế chính	Giá trị hạ thấp nhất		Giá trị dâng cao nhất	
		Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
1 năm trước (2025)	Hạ	2,74	xã Trung Thuần (QT1a-QB)	0,13	xã Quảng Ninh (QT9a-QB)
5 năm trước (2021)	Hạ	2,93	xã Nam Trạch (QT16a-QB)	1,22	xã Hoà Trạch (QT17-QB)



Hình 2. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 9 so với cùng kỳ năm trước

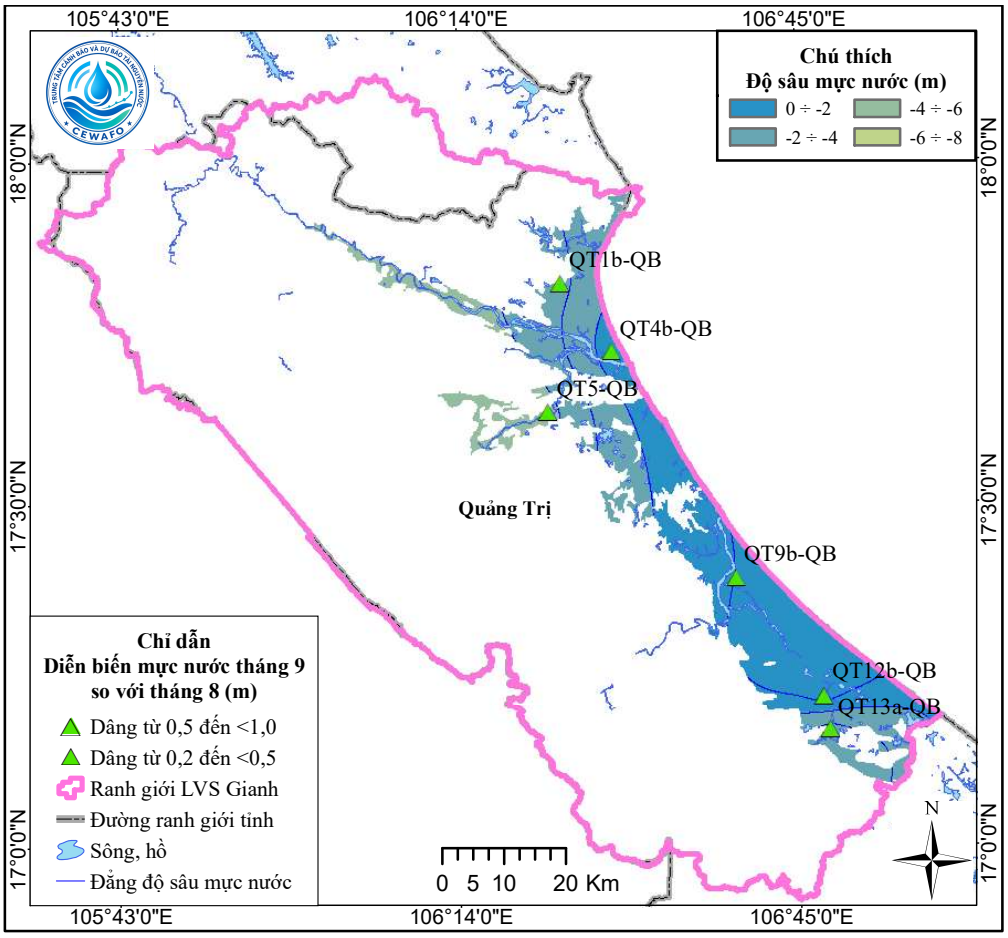


Hình 3. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 9 so với cùng kỳ 5 năm trước

1.2.2.2. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp)

Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 9 so với tháng 8 có xu thế dâng, có 6/6 công trình mực nước dâng. Giá trị dâng cao nhất là 0,66m tại xã Trường Phú (QT13a-QB).

Trong tháng 9: Mực nước trung bình tháng nông nhất là -0,78m tại xã Lệ Thuỷ (QT12b-QB) và sâu nhất là -4,22m tại xã Bố Trạch (QT5-QB).



Hình 4. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 9 tầng qp

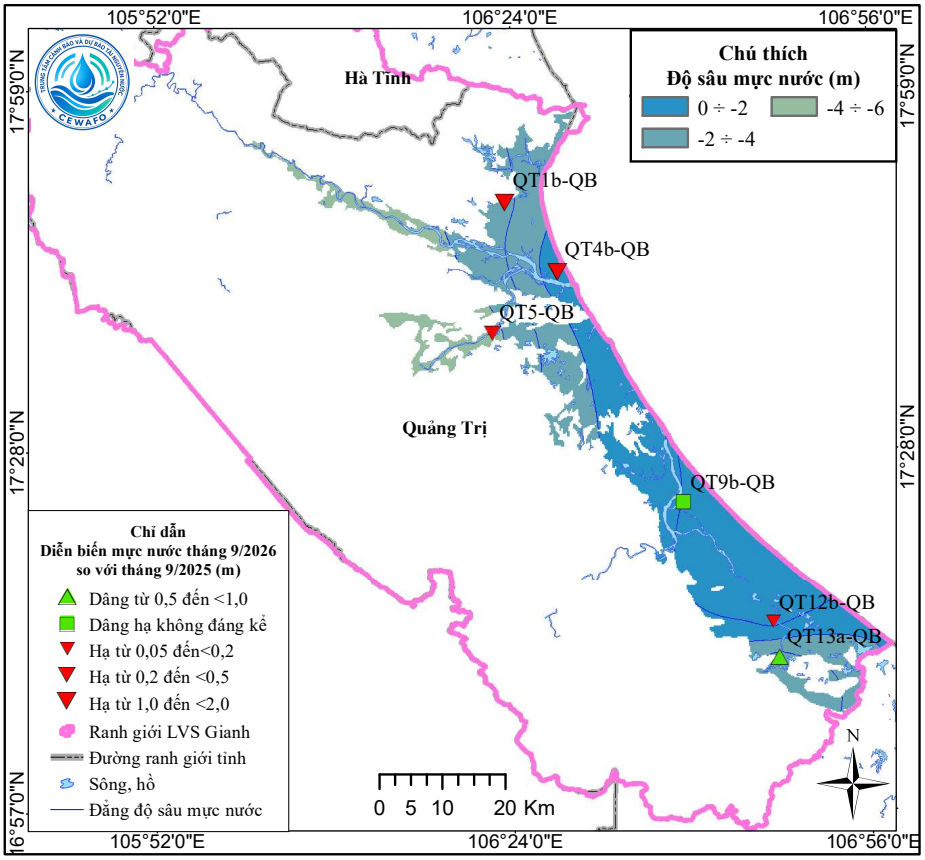
Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 9 so với cùng thời điểm 1 năm, 5 năm trước cho thấy mực nước hạ thấp nhất là 1,42m và 0,91m tại xã Trung Thuần và phường Bắc Gianh. Chi tiết được thể hiện trong các bảng và hình sau:

Bảng 3. Mực nước TB tháng cực trị qua các thời kỳ

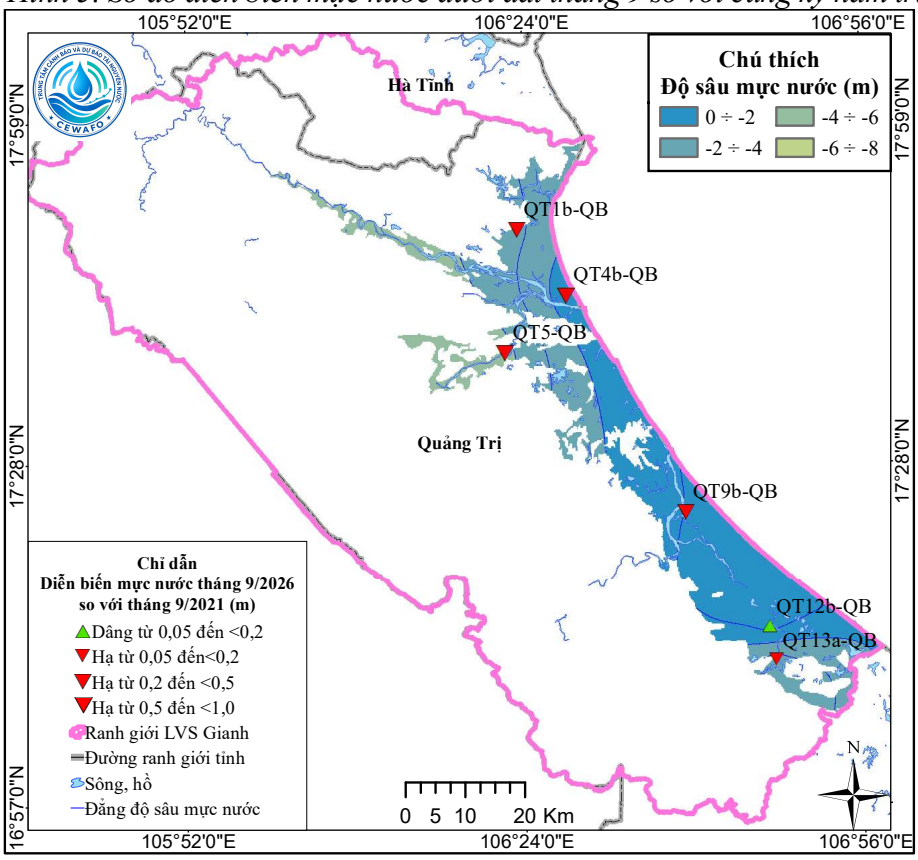
Thời gian	Mực nước TB tháng sâu nhất		Mực nước TB tháng nông nhất	
	Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
Tháng 9	-4,22	xã Bố Trạch (QT5-QB)	-0,78	xã Lệ Thuỷ (QT12b-QB)
1 năm trước (2025)	-3,94	xã Trường Phú (QT13a-QB)	-0,28	phường Bắc Gianh (QT4b-QB)
5 năm trước (2021)	-3,38	xã Bố Trạch (QT5-QB)	-0,66	phường Bắc Gianh (QT4b-QB)

Bảng 4. Giá trị dâng, hạ mực nước cực trị qua các thời kỳ

Thời gian	Xu thế chính	Giá trị hạ thấp nhất		Giá trị dâng cao nhất	
		Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
1 năm trước (2025)	Hạ	1,42	xã Trung Thuần (QT1b-QB)	0,6	xã Trường Phú (QT13a-QB)
5 năm trước (2021)	Hạ	0,91	phường Bắc Gianh (QT4b-QB)	0,08	xã Lệ Thuỷ (QT12b-QB)



Hình 5. Sơ đồ diễn biến mực nước dưới đất tháng 9 so với cùng kỳ năm trước



Hình 6. Sơ đồ diễn biến mực nước dưới đất tháng 9 so với cùng kỳ 5 năm trước

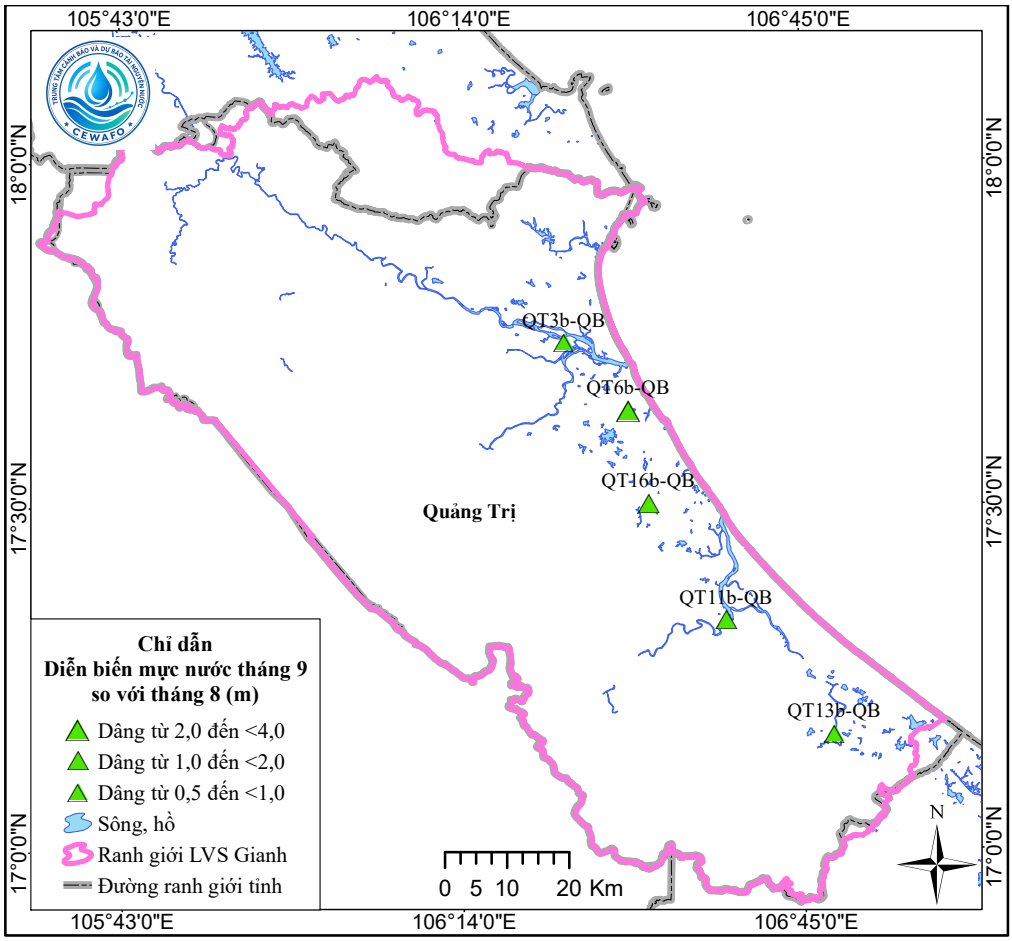
1.2.2.3. Tầng chứa nước khe nứt - lỗ hổng trong đá trầm tích lục nguyên Neogen (n)

Theo kết quả quan trắc tại phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (QT8b-QB) mực nước trung bình tháng 9 dâng 0,44m so với tháng 8

1.2.2.4. Tầng chứa nước khe nứt trong đá trầm tích lục nguyên Devon dưới (d_1)

Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 9 so với tháng 8 có xu thế dâng, có 5/5 công trình mực nước dâng. Giá trị dâng cao nhất là 0,12m tại xã Đông Trạch (QT6b-QB).

Trong tháng 9: Mực nước trung bình tháng nông nhất là -1,92m tại xã Nam Gianh (QT3b-QB) và sâu nhất là -5,08m tại xã Nam Trạch (QT16b-QB).



Hình 7. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 9 tầng d_1

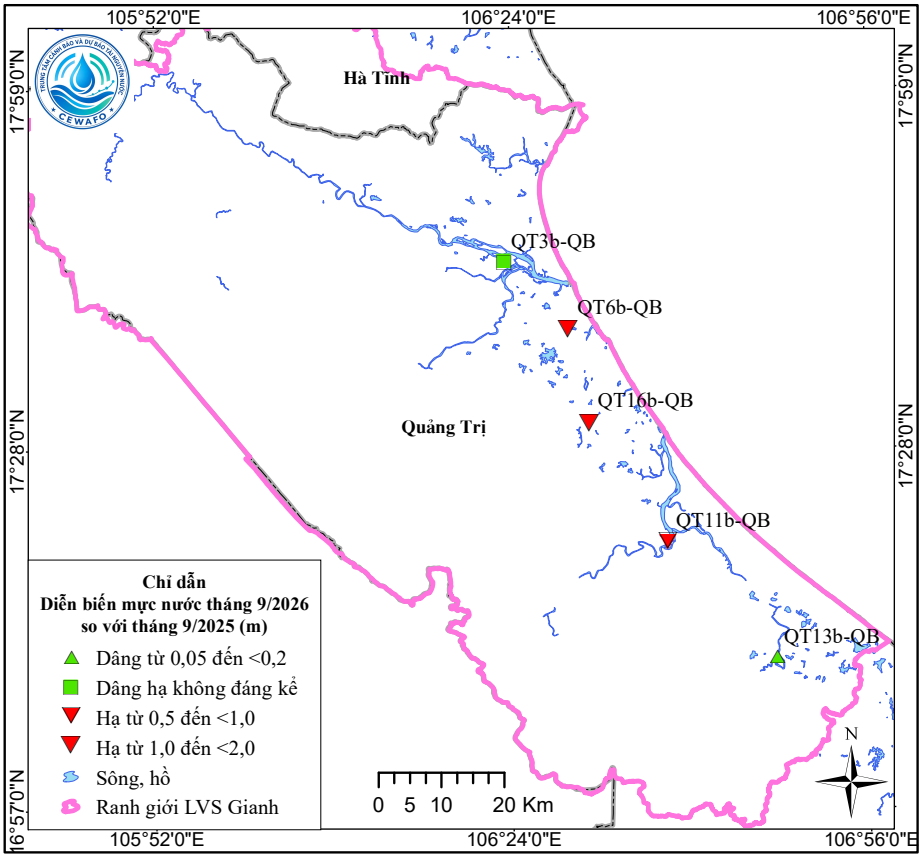
Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 9 so với cùng thời điểm 1 năm, 5 năm trước cho thấy mực nước hạ thấp nhất là 1,28m và 2,87m tại xã Nam Trạch. Chi tiết được thể hiện trong các bảng và hình sau:

Bảng 5. Mực nước TB tháng cực trị qua các thời kỳ

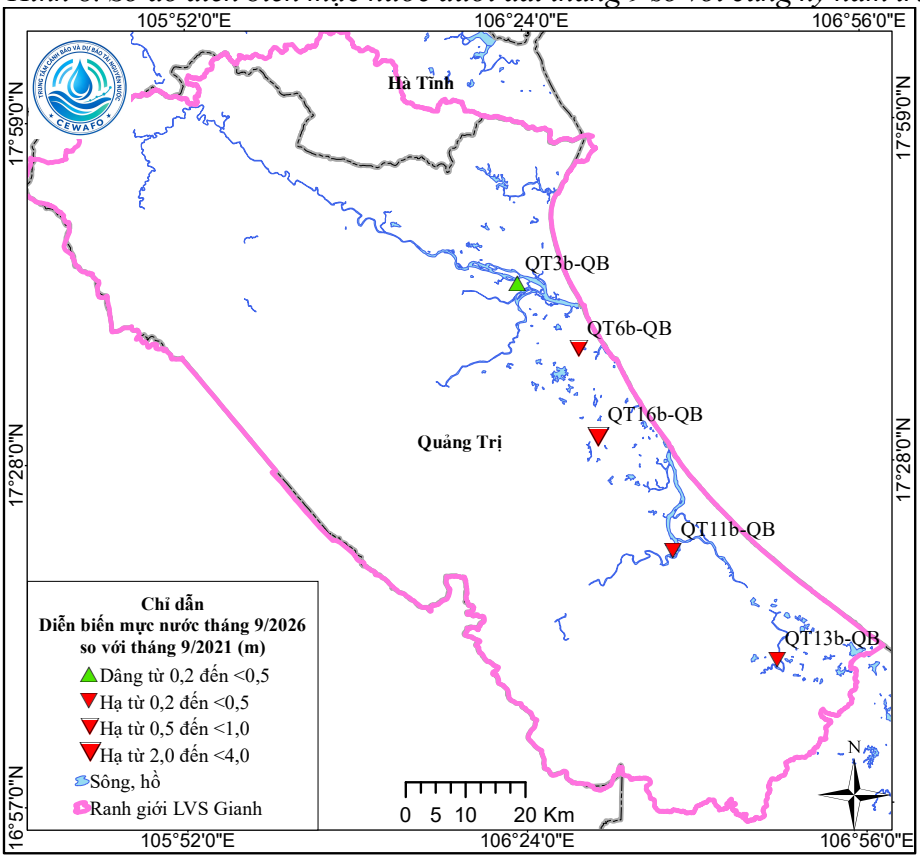
Thời gian	Mực nước TB tháng sâu nhất		Mực nước TB tháng nông nhất	
	Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
Tháng 9	-5,08	xã Nam Trạch (QT16b-QB)	-1,92	xã Nam Gianh (QT3b-QB)
1 năm trước (2025)	-3,8	xã Nam Trạch (QT16b-QB)	-1,72	xã Trường Ninh (QT11b-QB)
5 năm trước (2021)	-3,04	xã Đông Trạch (QT6b-QB)	-1,88	xã Trường Ninh (QT11b-QB)

Bảng 6. Giá trị dâng, hạ mực nước cực trị qua các thời kỳ

Thời gian	Xu thế chính	Giá trị hạ thấp nhất		Giá trị dâng cao nhất	
		Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
1 năm trước (2025)	Hạ	1,28	xã Nam Trạch (QT16b-QB)	0,12	xã Trường Phú (QT13b-QB)
5 năm trước (2021)	Hạ	2,87	xã Nam Trạch (QT16b-QB)	0,44	xã Nam Gianh (QT3b-QB)



Hình 8. Sơ đồ diễn biến mực nước dưới đất tháng 9 so với cùng kỳ năm trước



Hình 9. Sơ đồ diễn biến mực nước dưới đất tháng 9 so với cùng kỳ 5 năm trước

1.2.3. Chất lượng nước dưới đất

1.2.3.1. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh)

Kết quả phân tích mẫu nước mùa khô năm 2026 được đánh giá theo QCVN 09:2023/BTNMT tại lưu vực sông cho thấy đa số các thông số nằm trong GTGH, tuy nhiên một số thông số vượt GTGH, cụ thể như sau: Amoni, Chỉ số Permanganat, Độ cứng đều vượt tại công trình QT3a-QB (xã Nam Gianh); Mangan, Sắt vượt tại công trình QT2-QB (xã Nam Ba Đồn).

1.2.3.2. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp)

Kết quả phân tích mẫu nước mùa khô năm 2026 được đánh giá theo QCVN 09:2023/BTNMT tại lưu vực sông cho thấy đa số các thông số nằm trong GTGH, tuy nhiên một số thông số vượt GTGH, cụ thể như sau: Tổng chất rắn hoà tan (TDS), Amoni, Chỉ số Permanganat, Độ cứng, Chloride, Mangan đều vượt tại công trình QT4b-QB (phường Bắc Gianh); Sắt vượt lớn nhất tại công trình QT13a-QB (xã Trường Phú).

1.2.3.3. Tầng chứa nước khe nứt - lỗ hổng trong đá trầm tích lục nguyên Neogen (n)

Kết quả phân tích mẫu nước mùa khô năm 2026 tại công trình QT8b-QB (phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị) được đánh giá theo QCVN 09:2023/BTNMT cho thấy đa số các thông số nằm trong GTGH, tuy nhiên có thông số Chloride và Tổng Coliform vượt GTGH.

1.2.3.4. Tầng chứa nước khe nứt trong đá trầm tích lục nguyên Devon dưới (d_1)

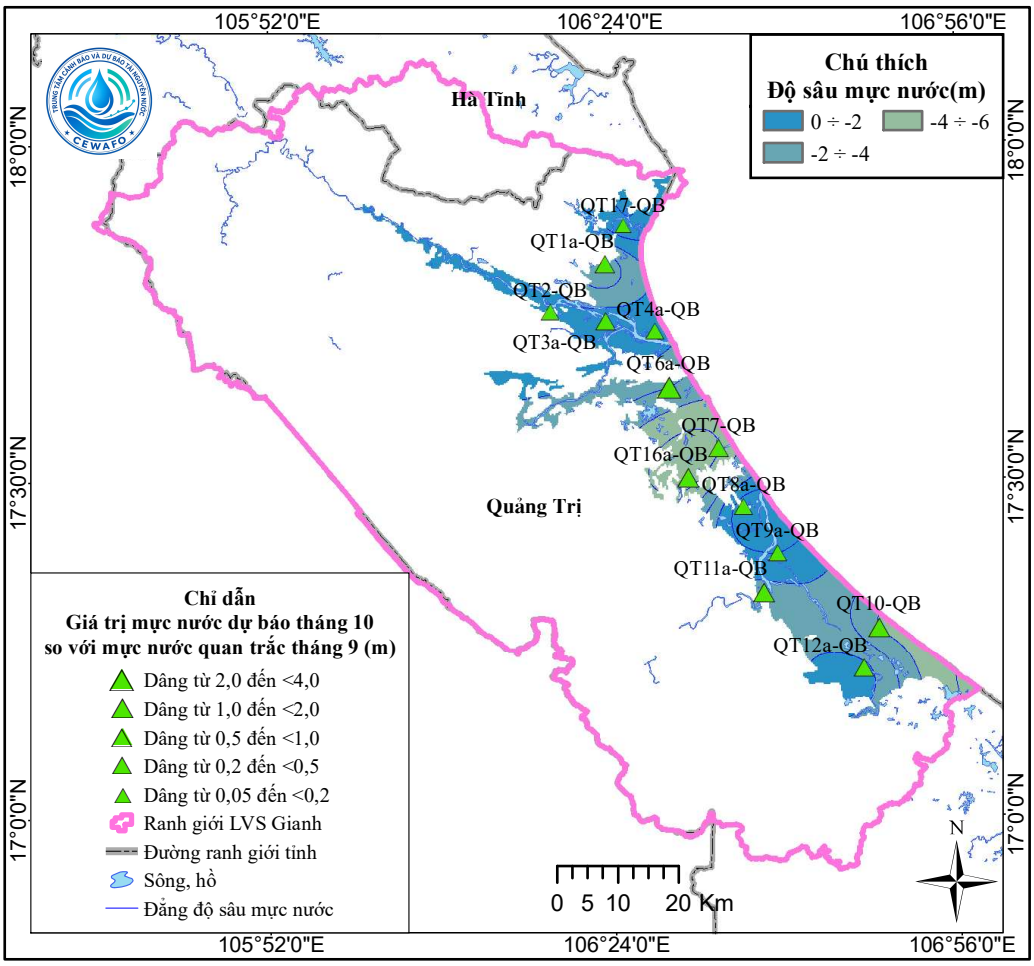
Kết quả phân tích mẫu nước mùa khô năm 2026 được đánh giá theo QCVN 09:2023/BTNMT tại lưu vực sông cho thấy đa số các thông số nằm trong GTGH, tuy nhiên tại công trình QT3b-QB (xã Nam Gianh) một số thông số vượt GTGH như sau: Tổng chất rắn hoà tan (TDS), Amoni, Chỉ số Permanganat, Độ cứng, Chloride, Mangan vượt lớn nhất tại công trình QT3b-QB (xã Nam Gianh).

II. CẢNH BÁO VÀ DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC

2.1. Dự báo nguồn nước dưới đất

2.1.1. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh)

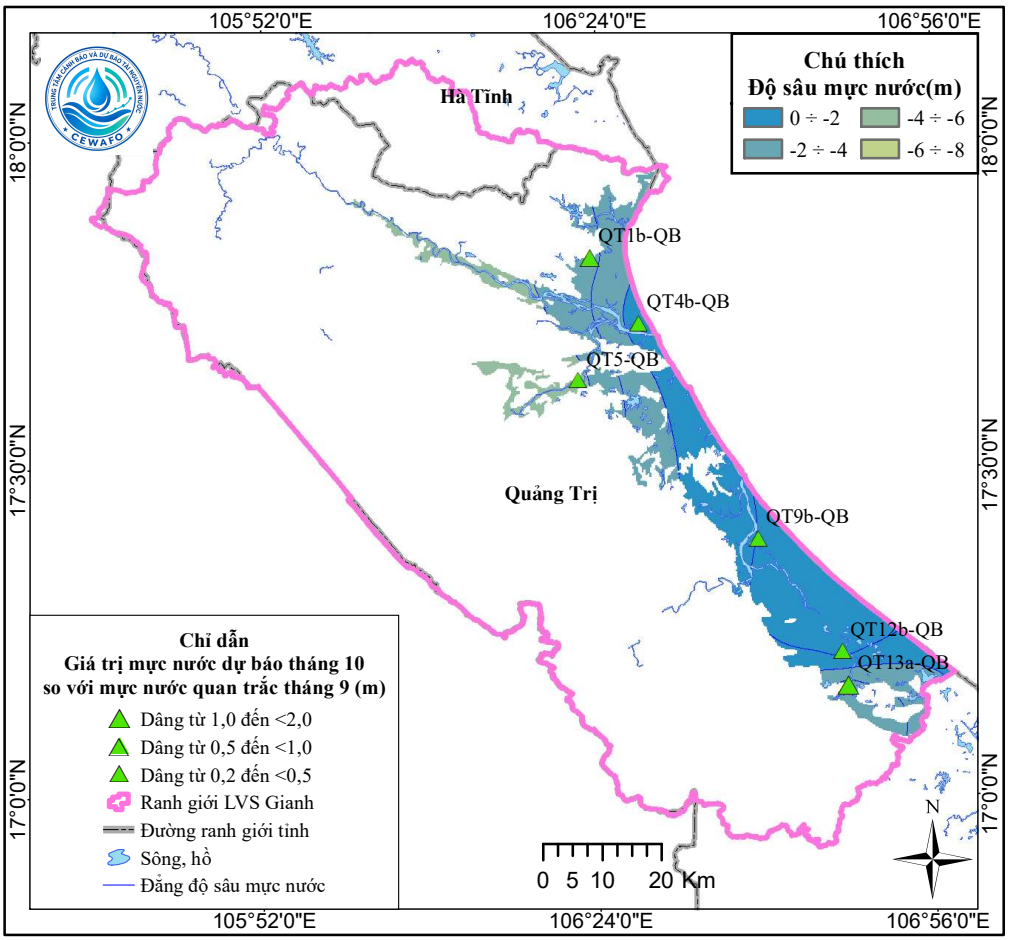
Diễn biến mực nước dưới đất dự báo tháng 10 so với mực nước quan trắc tháng 9 có xu thế dâng, có 13/13 công trình mực nước dâng. Mực nước dâng từ 2 đến 4m tập trung ở xã Đông Trạch.



Hình 10. Sơ đồ dự báo mực nước tầng qh

2.1.2. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp)

Diễn biến mực nước dưới đất dự báo tháng 10 so với mực nước quan trắc tháng 9 có xu thế dâng, có 6/6 công trình mực nước dâng. Mực nước dâng từ 1 đến 2m tập trung ở xã Trường Phú.



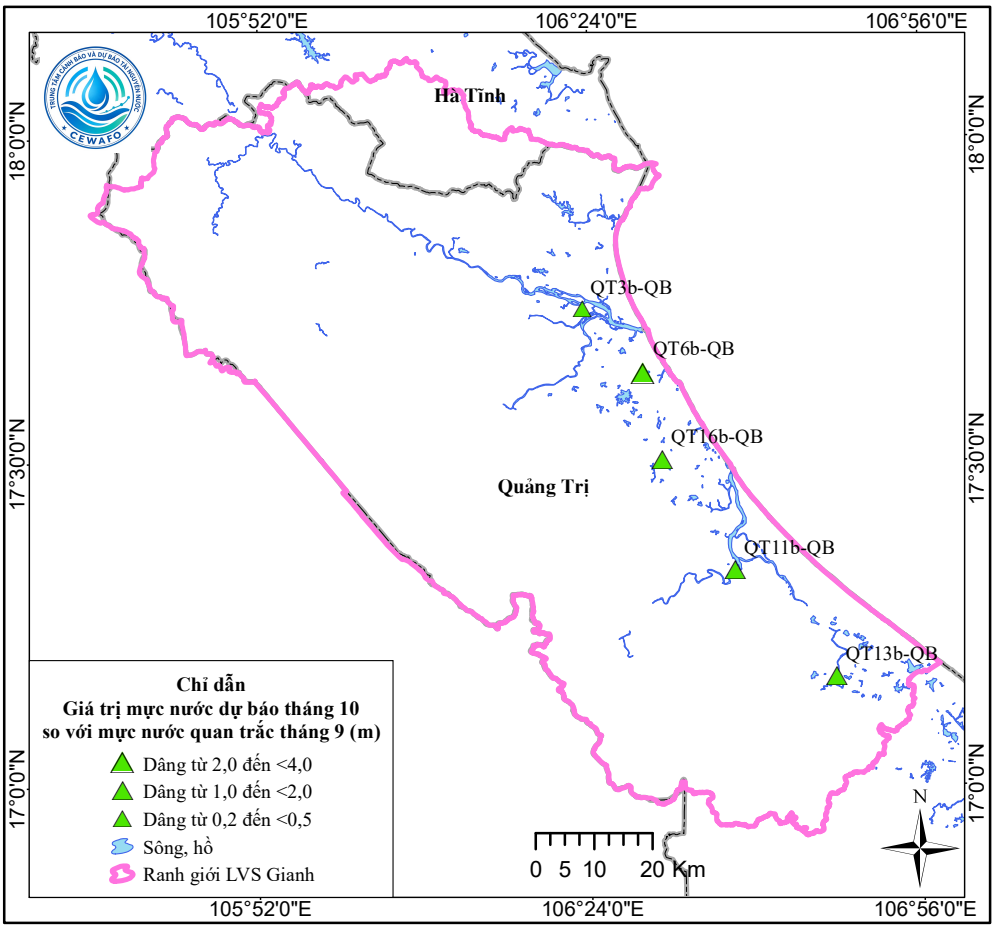
Hình 11. Sơ đồ dự báo mực nước tầng qp

2.1.3. Tầng chứa nước khe nứt - lỗ hổng trong đá trầm tích lục nguyên Neogen (n)

Tại phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (QT8b-QB) diễn biến mực nước dưới đất dự báo tháng 10 so với mực nước quan trắc tháng 9 có xu thế dâng.

2.1.4. Tầng chứa nước khe nứt trong đá trầm tích lục nguyên Devon dưới (d_1)

Diễn biến mực nước dưới đất dự báo tháng 10 so với mực nước quan trắc tháng 9 có xu thế dâng, có 5/5 công trình mực nước dâng. Mực nước dâng từ 2 đến 4m tập trung ở xã Đông Trạch.



Hình 12. Sơ đồ dự báo mực nước tầng d_1

2.2. Nhận định xu thế diễn biến nguồn nước dưới đất

Dự báo mực nước dưới đất trung bình tháng 10 so với mực nước quan trắc tháng 9 có xu thế dâng tại cả các tầng chứa nước.

2.3. Cảnh báo nguồn nước dưới đất

Theo Khoản 18 Điều 1 của Nghị định 23/2026/NĐ-CP về xác định ngưỡng khai thác nước dưới đất, trong lưu vực sông Gianh thời điểm hiện tại chưa có công trình nào có độ sâu mực nước vượt ngưỡng cần phải cảnh báo.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Hiện tại, trên phạm vi lưu vực sông Gianh chưa có công trình thuộc diện phải cảnh báo, để đảm bảo khai thác ổn định, cần theo dõi chặt chẽ diễn biến mực nước dưới đất trong các tầng chứa nước trong lưu vực sông và các bản tin dự báo tiếp theo để phục vụ quản lý, khai thác hiệu quả nguồn nước dưới đất.

Đa số các thông số chất lượng nước dưới đất trên lưu vực sông nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 09:2023/BTNMT. Tuy nhiên một số công trình có thông số vượt GTGH, các thông số vượt chủ yếu bao gồm Mangan, Chì, Tổng chất rắn hoà tan (TDS), Chloride, Sắt, Chỉ số Permanganat và Amoni. Một số khu vực đáng chú ý gồm:

+ Tầng qh: Amoni, Chỉ số Permanganat, Độ cứng đều vượt tại xã Nam Gianh (QT3a-QB); Mangan, Sắt vượt tại xã Nam Ba Đồn (QT2-QB).

+ Tầng qp: Tổng chất rắn hoà tan (TDS), Amoni, Chỉ số Permanganat, Độ cứng, Chloride, Mangan đều vượt tại phường Bắc Gianh (QT4b-QB); Sắt vượt lớn nhất tại xã Trường Phú (QT13a-QB).

+ Tầng d_1: Tổng chất rắn hoà tan (TDS), Amoni, Chỉ số Permanganat, Độ cứng, Chloride, Mangan đều vượt tại xã Nam Gianh (QT3b-QB).

Đề nghị các cơ quan chức năng ở trung ương và địa phương:

• Rà soát, cập nhật thông tin chất lượng nước tại các khu vực trên;

• Kịp thời ban hành cảnh báo và hướng dẫn người dân sử dụng nước an toàn.

Để Bản tin đáp ứng được các yêu cầu quản lý tài nguyên nước ngày một tốt hơn, các ý kiến đóng góp xin gửi về:

Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia.

Địa chỉ: Số 10 ngõ 42 phố Trần Cung, phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội.

Email: ttqhdttnnqg_bktth@mae.gov.vn

Bản tin được phát hành vào ngày 02 tháng 10 năm 2026 và đăng tải tại Website: nawapi.gov.vn; cewafo.gov.vn

PHỤ LỤC

GIÁ TRỊ GIỚI HẠN CÁC THÔNG SỐ CHẤT LƯỢNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT
(QCVN 09:2023/BTNMT)

	TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn
Thông số cơ bản	1	pH	-	5,8 - 8,5
	2	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100ml	3
	3	Nitrate (NO_3^- tính theo Nitơ)	mg/l	15
	4	Amoni (NH_4^+ tính theo Nitơ)	mg/l	1
	5	Chỉ số Permanganat	mg/l	4
	6	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	1500
	7	Độ cứng (tính theo $CaCO_3$)	mg/l	500
	8	Arsenic (As)	mg/l	0,05
	9	Chloride (Cl^-)	mg/l	250
Thông số ảnh hưởng sức khỏe con người	10	Nitrite (NO_2^- tính theo Nitơ)	mg/l	1
	11	Fluoride (F^-)	mg/l	1
	12	Sulfate (SO_4^{2-})	mg/l	400
	13	Cadmi (Cd)	mg/l	0,005
	14	Cyanide (CN^-)	mg/l	0,01
	15	Thuỷ ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/l	0,001
	16	Chì (Plumbum) (Pb)	mg/l	0,01
	17	Tổng Chromi (Cr)	mg/l	0,05
	18	Đồng (Cuprum) (Cu)	mg/l	1
	19	Kẽm (Zincum) (Zn)	mg/l	3
	20	Nickel (Ni)	mg/l	0,02
	21	Mangan (Mn)	mg/l	0,5
	22	Sắt (Ferrum) (Fe)	mg/l	5
	23	Seleni (Se)	mg/l	0,01
	24	Aldrin ($C_{12}H_8Cl_6$)	mg/l	0,0001
	25	Lindane ($C_6H_6Cl_6$)	mg/l	0,00002
	26	Dieldrin ($C_{12}H_8Cl_6O$)	mg/l	0,0001
	27	Tổng DDT (1,1'-(2,2,2-Trichloroethane-1,1-diyl) bis (4-chlorobenzene) ($C_{14}H_9Cl_5$)	mg/l	0,001
	28	Heptachlor & Heptachlorepoxide ($C_{10}H_5Cl_7$ & $C_{10}H_5Cl_7O$)	mg/l	0,001
	29	Diazinon ($C_{12}H_{21}N_2O_3PS$)	mg/l	0,02
	30	Parathion ($C_{10}H_{14}NO_5PS$)	mg/l	0,06
	31	Phenol (C_6H_5OH)	mg/l	0,001
	32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
	33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1
	34	E. Coli	MPN hoặc CFU/100ml	Không phát hiện